

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ
NET ASSET VALUE OF FUND

1	Tên Công ty quản lý quỹ: Management Fund Company name:	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam Vietnam Investment Fund Management Joint Stock Company
2	Tên Ngân hàng giám sát: Supervising bank:	Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) Standard Chartered Bank (Vietnam) Ltd.
3	Tên Quỹ: Fund name:	Quỹ ETFVN30 VFMVN30 ETF
4	Kỳ báo cáo: Reporting period:	Từ ngày 03 tháng 02 đến ngày 09 tháng 02 năm 2017 From 03 Feb to 09 Feb 2017
5	Ngày lập báo cáo: Reporting Date:	Ngày 10 tháng 02 năm 2017 10 Feb 2017

Đơn vị tính: VND/%
Unit: VND/%

STT NO	CHI TIÊU CRITERIA	Ngày 09 tháng 02 năm 2017 09 Feb 2017	Ngày 02 tháng 02 năm 2017 02 Feb 2017
A	Giá trị tài sản ròng Net Asset Value		
A.1	Giá trị tài sản ròng (NAV) đầu kỳ Net Asset Value (NAV) at the beginning of period		
	<i>của quỹ/ per Fund</i>	435,628,404,268	430,239,751,962
	<i>của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate</i>	1,062,508,303	1,049,365,249
	<i>của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate</i>	10,625.08	10,493.65
A.2	Giá trị tài sản ròng (NAV) cuối kỳ Net Asset Value (NAV) at the end of period		
	<i>của quỹ/ per Fund</i>	439,438,497,450	435,628,404,268
	<i>của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate</i>	1,071,801,213	1,062,508,303
	<i>của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate</i>	10,718.01	10,625.08
A.3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ trong kỳ, trong đó: Change of NAV per Fund Certificate during period, in Which:		
	Thay đổi do biến động thị trường và các hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ Changes of NAV due to market fluctuation and the fund's investment during the period	92.93	131.43
	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ liên quan tới nhà đầu tư trong kỳ Change of Net Asset Value related to investors during the period	-	-
	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ	-	-
	Thay đổi GITSR do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ Change of Net Asset Value due to subscription, redemption during the period	-	-
A.4	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest NAV within latest 52 weeks		
	<i>Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)</i>	456,099,462,349	456,099,462,349
	<i>Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)</i>	323,619,913,628	323,619,913,628
B	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ Quỹ		
B.1	Giá trị đầu kỳ Beginning period Value	10,520	10,450
B.2	Giá trị cuối kỳ Ending period Value	10,700	10,520
B.3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change of market value in the period in comparison to the last period	180	70
B.4	Chênh lệch giữa giá thị trường của chứng chỉ Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ		
	<i>Chênh lệch tuyệt đối (VND)/ Absolute difference (VND)</i>	-18.01	-105.08
	<i>Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))/ Relative difference (discount(-)/premium(+))</i>	-0.17%	-0.99%
B.5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/lowest Market Value within latest 52 weeks		
	<i>Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)</i>	10,880	10,880
	<i>Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)</i>	8,900	8,800



Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
Authorized Representative of Supervisory Bank
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
STANDARD CHARTERED
(VIỆT NAM)
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)
Lê Sỹ Hoàng
Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán



Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ
Authorized Representative of Fund Management Company
CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU TƯ
VIỆT NAM
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Trần Thanh Tân
Tổng giám đốc